

Bản án số: 70/2024/HS-ST
Ngày 12 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Huệ và bà Bàn Thị Hương Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Hữu H (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 01/12/1994 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hữu H1 và bà Đỗ Thị M; Có vợ là Lương Thùy L và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/9/2024. Hiện đang tại ngoại tại Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Phạm Văn B (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 17/01/1984 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Hùng Đ và bà Lê Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị T1 và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/9/2024. Hiện đang tại ngoại tại Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị hại:

1. Lê Thị H2 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị H2: Trần Lê Nhã T2

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt.

2. Ngô Thị Bích

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị T1

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Hữu T3. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2021 Phạm Văn B thuê Trần Hữu H làm việc tại xưởng ván bóc của mình tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Mặc dù biết H không có chứng chỉ lái xe chuyên dùng, không đủ các điều kiện để điều khiển xe chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ nhưng B vẫn giao cho H điều khiển xe chuyên dùng nhãn hiệu LEHMAN 936 có gắn càn gấp phía trước dùng để gấp, vận chuyển ván bóc đến các bãi của xưởng để phơi ván. Xe chuyên dùng này B chưa thực hiện đăng ký, đăng kiểm theo quy định.

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 04/06/2024, Trần Hữu H đến xưởng để làm việc. Đến khoảng hơn 9 giờ cùng ngày, H điều khiển xe chuyên dùng đến vị trí tập trung các lết ván gỗ, thực hiện kẹp và nâng các lết ván gỗ đã được xếp chồng lên nhau có kích thước dài 2,12m, rộng 1,06m, cao 1,5m. Sau đó H điều khiển xe ra đường quốc lộ 4E, di chuyển xe theo hướng thị trấn P đi B đến địa điểm phơi ván gỗ. Khi điều khiển xe đến km4+700 quốc lộ D thuộc thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, H quan sát thấy có 01 xe mô tô biển kiểm soát 24B1-838.72 do chị Ngô Thị B1 điều khiển, phía sau chở bà Lê Thị H2 đi vượt lên phía trước, qua xe H điều khiển rồi di chuyển chéo sang đi sát mép đường bên phải cùng chiều. Do xe máy chuyên dùng H điều khiển có kẹp các lết ván gỗ ở càn gấp phía trước che khuất tầm nhìn nên H không quan sát được xe mô tô của chị B1 điều khiển đang đi sát mép đường bên phải phía trước. Xe chuyên dùng của H điều khiển đã đâm va vào phía sau xe mô tô do chị B1 điều khiển. Hậu quả: bà Lê Thị H2 tử vong tại chỗ, chị B1 bị thương và xe mô tô bị hư hỏng một số chi tiết.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 57/KLGĐTT-TTPY ngày 01/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh L đối với Lê Thị H2, kết luận nguyên nhân chết: Ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn do đa chấn thương (chấn thương sọ não, chấn thương hàm mặt, chấn thương cổ - ngực); Thời gian tử vong: Dưới 06 giờ.

Kết luận giám định thương tích số 150/KLTTCT-TTPY ngày 16/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh L đối với Ngô Thị B1, kết luận: Các kết quả chính: Gãy xương đòn trái đã phẫu thuật kết hợp xương; mổ sẹo kết hợp xương đòn trái kích thước 10 x 0,5cm; Thay đổi sắc tố da tại khuỷu tay trái, gối trái, cẳng chân trái, mu bàn chân trái. Kết luận Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể Ngô Thị B1 tại thời điểm giám định là 11%.

- Kết luận giám định số 37/KL-GĐKT ngày 23/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L đối với xe xúc lật, kết luận:

Hồ sơ kỹ thuật: Máy xúc lật bánh lốp, không biển kiểm soát, nhãn hiệu LEHMAN màu sơn vàng đen, model ZL936Q, số khung SY20100086 nguyên tủy, không có số máy, gầu xúc được thay thế bằng cang kẹp không đúng với thiết kế ban đầu.

Tình trạng kỹ thuật:

Thân vỏ buồng lái: Thời điểm trước, trong và sau khi tai nạn thân, vỏ, buồng lái của máy xúc lật bánh lốp là những hư hỏng cũ, không phát hiện dấu vết hư hỏng mới.

Hệ thống điện, đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu: Trước, trong và sau tai nạn hệ thống điện của máy xúc lật hoạt động bình thường, các hư hỏng liên quan hệ thống đèn, đèn tín hiệu là hư hỏng cũ, không phát hiện dấu vết hư hỏng mới.

Tổng thành động cơ và các hệ thống liên quan: Trước, trong và sau tai nạn các hệ thống động cơ và hệ thống liên quan hoạt động bình thường.

Hệ thống treo, truyền lực, chuyển động: Hoạt động bình thường.

Hệ thống lái: Hoạt động bình thường.

Hệ thống phanh: Trước, trong và sau tai nạn hệ thống phanh cầu trước hai bên của máy xúc lật không đảm bảo an toàn kỹ thuật (không có tác dụng hãm). Hệ thống phanh cầu sau hai bên đảm bảo an toàn kỹ thuật (có tác dụng hãm)

- Kết luận định giá tài sản số 18 ngày 28/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B, kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 24B1-838.72, nhãn hiệu Honda Blande màu sơn xám đen: bị thiệt hại có giá trị thay thế là 810.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSBT ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trần Hữu H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 hình sự, truy tố Phạm Văn B về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Hữu H và Phạm Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không đề nghị gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hữu H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hữu H 03 năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự,

xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 01 năm đến 02 năm cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập của bị cáo và phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Hữu H và Phạm Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Trần Hữu H khai nhận mặc dù không có chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng nhưng ngày 04/6/2024 bị cáo vẫn điều khiển xe chuyên dùng nhãn hiệu LEHMAN thực hiện chở, kẹp các lết ván gỗ đi ra đường quốc lộ 4E để phơi ván gỗ. Do lết ván gỗ có kích thước lớn (dài 2,12m, rộng 1,06m, cao 1,5m) và kẹp ở phía trước xe chuyên dùng che khuất tầm nhìn khi tham gia giao thông dẫn đến xe chuyên dùng do H điều khiển đã va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 24B1-838.72 do chị Ngô Thị B1 điều khiển, phía sau chở bà Lê Thị H2. Hậu quả làm bà H2 tử vong và gây thiệt hại về sức khỏe cho chị B1 là 11%. Hành vi của H đã vi phạm khoản 9 điều 8 Luật giao thông đường bộ là “Điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng”. Do đó hành vi của H đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Đối với Phạm Văn B, mặc dù biết rõ H không có chứng chỉ vận hành xe chuyên dùng nhưng vẫn giao xe cho H điều khiển dẫn đến hậu quả như trên. Do đó hành vi của bị cáo B đã phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

[3]. Bị cáo Trần Hữu H và Phạm Văn B là người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật song các bị cáo đã chủ quan, không tuân thủ pháp luật về tham gia giao thông đường bộ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại cho tính mạng, tài sản của người khác và gây mất

trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh để cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra tại Toà án bị cáo cung cấp thêm chứng cứ là ông nội của bị cáo là người có công được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bản thân bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo B phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ các nhận định trên, xét thấy bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, nơi cư trú ổn định, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình và nhận thấy việc cho bị cáo ở ngoài xã hội cũng không ảnh hưởng tới khả năng tự cải tạo và không ảnh hưởng xấu tới an ninh xã hội. Vì vậy hội đồng xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho địa phương quản lý giám sát cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo B cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Về khấu trừ thu nhập, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự, người bị kết án phạt cải tạo không giam giữ còn bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Theo kết quả xác minh hiện tại bị cáo B có đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề vận tải hàng hoá, hàng nông sản, vật liệu xây dựng, phân bón, vật tư nông nghiệp, sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ, mức thu nhập trung bình của người dân trên địa bàn xã X là 70.000.000đ/năm. Do đó hội đồng xét xử cần căn khấu trừ của bị cáo 10% thu nhập hàng tháng là: $10\% \times (70.000.000\text{đ}/12) = 583.300\text{đ}/\text{tháng}$ để sung quỹ nhà nước.

[5]. Hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết phải phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn B để đảm bảo tính răn đe.

[6]. Trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Trần Hữu H đã bồi thường cho gia đình bị hại Lê Thị H2 số tiền 180.000.000 đồng, bồi thường cho chị Ngô Thị B1 số tiền 15.000.000 đồng. Đại diện của gia đình chị Lê Thị H2 và chị Ngô Thị B1 đã nhận đủ số tiền trên và không còn có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, do đó hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã tạm giữ 01 xe chuyên dùng loại xúc lật bánh lốp, không biển kiểm soát nhãn hiệu LEHMAN màu sơn vàng đen, số loại ZL936Q; số khung: SY20100086. Kết quả điều tra xác định chiếc xe thuộc sở hữu của vợ chồng Phạm Văn B và chị Nguyễn Thị T1. Xe mô tô biển kiểm soát 24B1-838.72, nhãn hiệu Honda Blande màu sơn xám đen thuộc sở hữu của vợ chồng chị Ngô Thị B1 và anh Nguyễn Văn T4. Do đó, cơ

quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp. Sau khi nhận lại tài sản đến nay không ai có yêu cầu, đề nghị gì.

[8]. Các vấn đề khác có liên quan: Đối với của Phạm Văn B đã có hành vi đưa phương tiện không có giấy đăng ký xe vào tham gia giao thông, cơ quan điều tra đã chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định. Ngoài ra Ngô Thị Bích K điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe đã bị xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[9]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu H phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Hữu H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ này cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B, tỉnh Lào Cai nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã X trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, khấu trừ của bị cáo Phạm Văn B 10% thu nhập với số tiền là 583.300đ (Năm trăm tám ba ngàn ba trăm đồng) mỗi tháng để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Căn cứ khoản 4 Điều 264 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn B 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Hữu H và Phạm Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng (2);
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo (2);
- Bị hại (2);
- Người có QLNVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh